

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẮNG BOM  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30-6-2020.

V/v: “*Tranh chấp về việc yêu cầu  
không công nhận vợ chồng và nuôi  
con chung*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Tâm.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đặng Quang Hoạch.

2. Bà Đào Thị Giang.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Đinh Ngọc Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 305/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp về việc yêu cầu không công nhận vợ chồng và nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1985.

Trú tại: Tổ 11, khu A, ấp B, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông Chè Chiu S, sinh năm 1970.

Trú tại: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Bà L, ông S vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ L trình bày:** Bà L và ông Chè Chiu S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2012, không tổ chức đám cưới, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ban đầu bình thường nhưng đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do lối sống tính cách không phù hợp. Nay tình cảm vợ chồng không hàn gắn được nên bà L làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa bà L và ông S.

**- Về con chung:** Quá trình chung sống ông bà có 01 người con tên Lê G, sinh ngày 25/3/2016. Khi ly hôn, bà L xin được nuôi cháu G. Tạm thời không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**-Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Chè Chiu S trình bày:** Ông S và bà Lê Thị Mỹ L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2012, không tổ chức đám cưới, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ban đầu bình thường nhưng đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do lối sống tính cách không phù hợp. Nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa bà L và ông S thì ông S cũng đồng ý.

- Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có 01 người con tên Lê G, sinh ngày 25/3/2016. Khi ly hôn, ông S đồng ý để bà L nuôi dưỡng con chung. Tạm thời ông S không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được tiến hành theo quy định pháp luật. Đối với việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị Mỹ L và ông Chè Chiu S là vợ chồng

Về con chung: Giao 01 người con tên Lê G, sinh ngày 25/3/2016 cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm thời ông S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016 buộc bà L phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong vụ án, yêu cầu khởi kiện và quy định pháp luật, “Tranh chấp về việc yêu cầu không công nhận vợ chồng và nuôi con chung” thuộc trường hợp quy định tại Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom thực hiện thủ tục thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2]. Nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ L và bị đơn ông Chè Chiu S có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Mỹ L và ông Chè Chiu S tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình tố tụng, bà L và ông S đều đồng ý yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận vợ chồng.

Nên Hội đồng xét xử xét thấy không công nhận bà Lê Thị Mỹ L và ông Chè Chiu S là vợ chồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Về con chung: Bà L, ông S có 01 người con tên Lê G, sinh ngày 25/3/2016. Khi ly hôn, bà L, ông S đều đồng ý giao cháu G cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu G cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu nên tạm thời ông S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Chè Chiu S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

[5]. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7]. Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8]. Về án phí: Bà L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc yêu cầu không công nhận vợ chồng theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị Mỹ L và ông Chè Chiu S là vợ chồng

2. Về con chung: Giao 01 người con tên Lê G, sinh ngày 25/3/2016 cho bà Lê Thị Mỹ L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời ông S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Chè Chiu S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

4. Về án phí: Bà Lê Thị Mỹ L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tại biên lai thu số **0007200** ngày 12/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Bà L đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà L, ông S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- THADS huyện Trảng Bom;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thành Tâm**